

# Báo cáo ngày: VN-Index tiếp tục giảm mạnh và xuống dưới hỗ trợ tại MA20 ngày

08/09/2025

**VN-Index giảm 42 điểm, kết phiên ở mức 1,625 điểm (-2.5%).** Diễn biến giảm diễn ra trong suốt phiên giao dịch tại hầu hết các nhóm cổ phiếu, trong đó nổi bật là nhóm Ngân hàng (như VCB, VPB, TCB và BID).

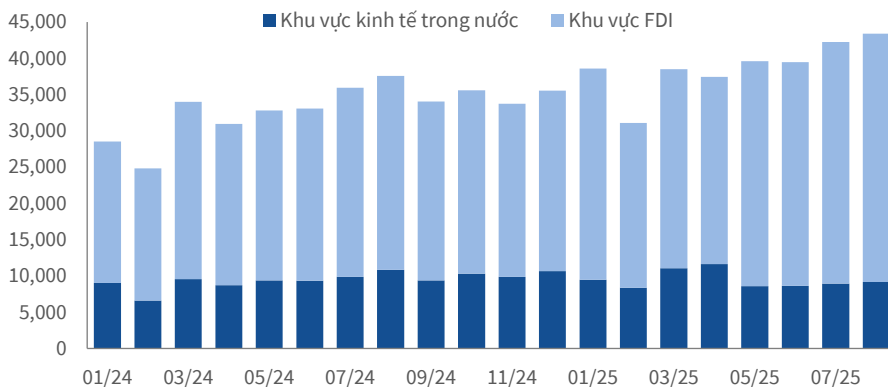
VN-Index tiếp tục giảm mạnh trong phiên và đóng cửa ở dưới ngưỡng hỗ trợ MA20 ngày do áp lực bán chốt lời từ NĐT. Mặc dù vậy, chúng tôi nhận thấy diễn biến giảm mạnh chủ yếu diễn ra vào cuối phiên chiều và NĐT tập trung bán ròng các cổ phiếu có tính đầu cơ cao. Hiện tại, chúng tôi nhận thấy chưa có yếu tố tiêu cực nào đủ mạnh để có thể kéo VN-Index tiếp tục giảm điểm. **Do đó, chúng tôi cho rằng thị trường có thể tạo đáy quanh vùng 1,600 - 1,625 để hấp thu lực bán trước khi hồi phục.** Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị NĐT duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức hiện tại và có thể canh giảm tỷ trọng trong các phiên thị trường hồi phục.

**Khối ngoại quay trở lại mua ròng trên HSX với quy mô 994 tỷ VND,** trong đó mua ròng mạnh nhất các cổ phiếu HPG, SSI và CTG. Ở chiều ngược lại, NĐTNN bán ròng mạnh nhất cổ phiếu GEX và VIX.

**Tất cả các hợp đồng tương lai đều giảm điểm trong phiên** trong bối cảnh thị trường cơ sở giảm mạnh, trong đó hợp đồng VN30F2509 giảm 45 điểm, kết phiên ở mức 1,800 điểm. Mức basis âm ghi nhận ở tất cả các hợp đồng.

## Giá trị xuất khẩu T8 2025 tăng 15% YoY chủ yếu thúc đẩy bởi khu vực FDI trong khi khu vực kinh tế trong nước giảm tháng thứ 4 liên tiếp svck

Giá trị xuất khẩu khu vực kinh tế trong nước theo tháng từ T1 2024 - nay [triệu USD]



Nguồn: Cơ quan Thống kê Quốc gia, TVS Research tổng hợp

## Tổng quan thị trường

| Chỉ tiêu                   | Giá trị | %Thay đổi |
|----------------------------|---------|-----------|
| <strong>VN-Index</strong>  |         |           |
| Đóng cửa                   | 1,625   | -2.5%     |
| KLGD [triệu CP]            | 1,907   | 12.1%     |
| GTGD [tỷ VND]              | 53,238  | 8.3%      |
| Khớp lệnh                  | 49,261  | 3.6%      |
| Thoả thuận                 | 3,978   | 149.3%    |
| <strong>HNX-Index</strong> |         |           |
| Đóng cửa                   | 272     | -3.2%     |
| KLGD [triệu CP]            | 177     | 1.1%      |
| GTGD [tỷ VND]              | 4,018   | -5.7%     |
| <strong>UPCoM</strong>     |         |           |
| Đóng cửa                   | 110     | -1.5%     |
| KLGD [triệu CP]            | 73      | -25.5%    |
| GTGD [tỷ VND]              | 1,016   | -17.3%    |

## Mục lục

- Diễn biến TT VN và quốc tế ►
- Vì sao thị trường giảm điểm? ►
- Quan điểm thị trường ►
- Các thông tin đáng chú ý ►
- Thị trường phái sinh & chứng quyền ►
- Phụ lục: Tổng quan hiệu suất thị trường ►
- Danh sách cổ phiếu khuyến nghị ►

**Nguyễn Đức Anh**

Chuyên viên phân tích

anhnd@tvs.vn

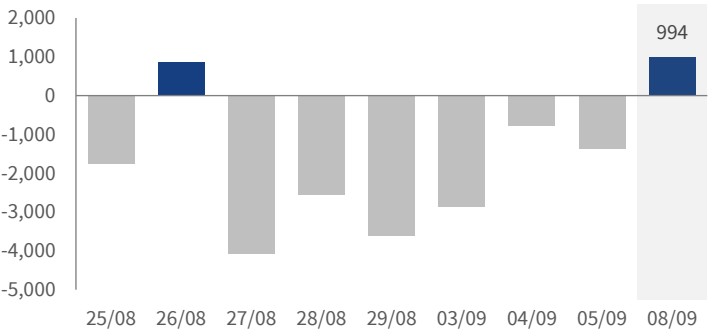
Tổng quan thị trường hôm nay

NDTNN quay trở lại mua ròng

|                                     |                                                 |
|-------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>VN-Index</b><br>1,907.3 triệu CP | <b>▼ 1,625 (-2.5%)</b><br>53,238 tỷ VND (+8.3%) |
| <b>HNX-Index</b><br>176.5 triệu CP  | <b>▼ 272 (-3.2%)</b><br>4,018 tỷ VND (-5.7%)    |
| <b>UPCoM-Index</b><br>73.4 triệu CP | <b>▼ 110 (-1.5%)</b><br>1,016 tỷ VND (-17.3%)   |

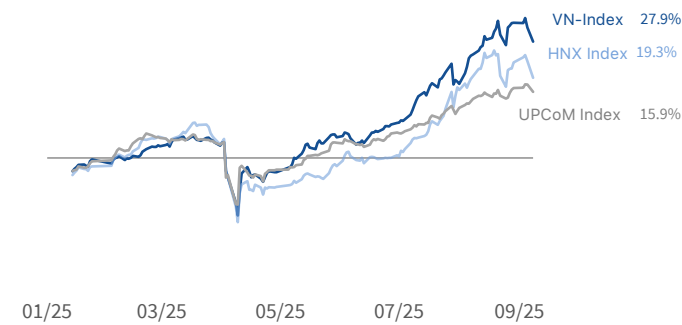
Khối ngoại mua ròng gần 1,000 tỷ VND...

Giá trị mua/bán ròng của NĐT nước ngoài trên sàn HSX [tỷ VND]



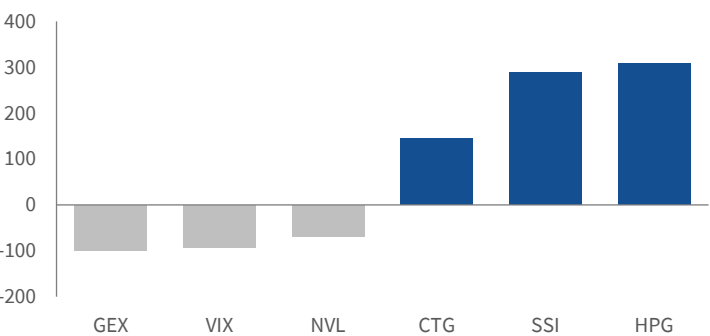
Hiệu suất 3 chỉ số đều giảm các phiên gần đây

Hiệu suất tính từ đầu năm 2025 của các chỉ số [%]



...trong đó mua ròng mạnh nhất cổ phiếu HPG

Top cổ phiếu mua/bán ròng của NĐT nước ngoài trên sàn HSX [tỷ VND]



Ngoại trừ TTCK Việt Nam, hầu hết các thị trường chứng khoán lớn ở châu Á đều tăng điểm trong phiên hôm nay

Hiệu suất của các chỉ số chứng khoán chính [%]

| Chỉ số             | Quốc gia   | Giá đóng cửa [điểm] | KLGD [triệu CP] | Thay đổi giá |       | Định giá |     | Chỉ báo kỹ thuật |        |     |         |
|--------------------|------------|---------------------|-----------------|--------------|-------|----------|-----|------------------|--------|-----|---------|
|                    |            |                     |                 | 1 ngày       | YTD   | P/E      | P/B | Kháng cự         | Hỗ trợ | RSI | MA (20) |
| VN-Index           | Việt Nam   | 1,625               | 1,696           | -2.6%        | 27.9% | 14.8     | 1.9 | 1,700            | 1,600  | 26  | 1,675   |
| HNX-Index          | Việt Nam   | 272                 | 172             | -3.2%        | 19.4% | 27.4     | 1.6 | 300              | 220    | 27  | 281     |
| S&P 500            | Mỹ         | 6,482               | N/A             | -0.3%        | 10.2% | 23.9     | 4.8 | 5,842            | 5,823  | 55  | 6,464   |
| Dow Jones          | Mỹ         | 45,401              | 479             | -0.5%        | 6.7%  | 22.3     | 5.2 | 42,594           | 42,051 | 51  | 45,374  |
| FTSE 100           | Anh        | 9,208               | 522             | -0.1%        | 12.7% | 12.5     | 1.9 | 8,385            | 8,325  | 67  | 45,374  |
| Euro Stoxx 50      | Euro       | 5,318               | N/A             | -0.5%        | 8.6%  | 14.9     | 2.0 | 4,999            | 4,978  | 30  | 5,431   |
| Shanghai Composite | Trung Quốc | 3,827               | 62,622          | 0.4%         | 14.2% | 13.6     | 1.3 | 3,340            | 3,328  | 58  | 9,198   |
| SZSE Component     | Trung Quốc | 12,667              | 27,583          | 0.6%         | 21.6% | 24.9     | 2.1 | 10,729           | 10,563 | 65  | 3,790   |
| Hang Seng          | Hồng Kông  | 25,634              | 3,739           | 0.9%         | 27.8% | 11.6     | 1.3 | 20,890           | 20,563 | 69  | 12,423  |
| Nikkei 225         | Nhật Bản   | 43,717              | N/A             | 1.6%         | 12.4% | 19.0     | 1.9 | 40,000           | 38,416 | 71  | 25,291  |
| KOSPI              | Hàn Quốc   | 3,220               | 302             | 0.5%         | 34.2% | 12.5     | 0.9 | 2,616            | 2,590  | 67  | 3,204   |
| VIX Index          | Mỹ         | 15                  | N/A             | N/A          | N/A   | N/A      | N/A | N/A              | N/A    | N/A | N/A     |

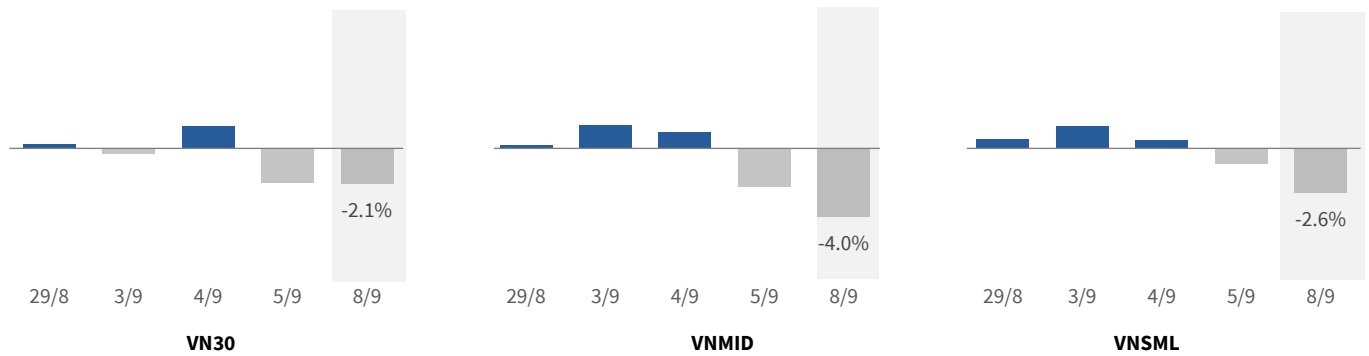
Ghi chú: Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 được lấy giá trị giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Investing.com, TVS Research

## Diễn biến giao dịch theo nhóm chỉ số & ngành

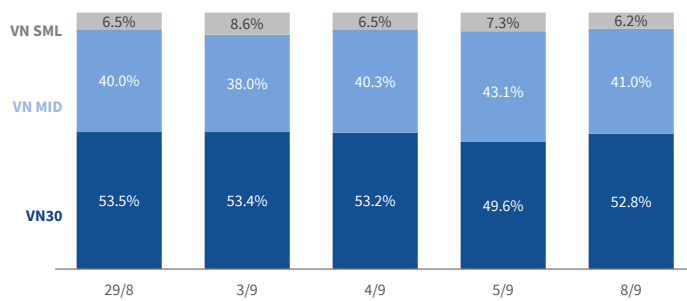
### Các nhóm chỉ số trên HSX đều giảm điểm, trong đó nhóm VN30 giảm mạnh nhất

% Thay đổi 1 ngày của các nhóm chỉ số [%]



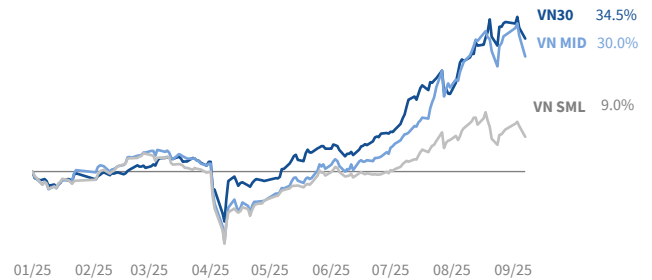
### Dòng tiền tập trung vào nhóm VN30

Tỷ trọng GTGD theo các nhóm chỉ số [%]



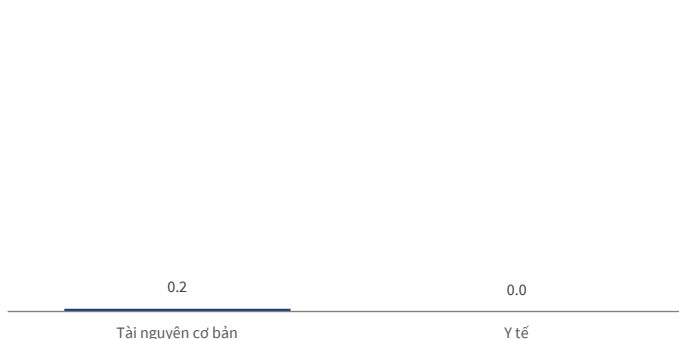
### Hiệu suất cả 3 chỉ số đều giảm mạnh trong phiên

Hiệu suất của các chỉ số từ đầu năm 2025 [%]



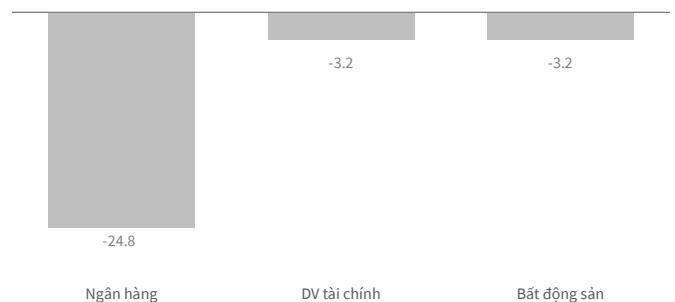
### Không có nhóm ngành nào tăng điểm đáng kể...

Các ngành đóng góp tích cực nhất vào VN-Index [điểm]



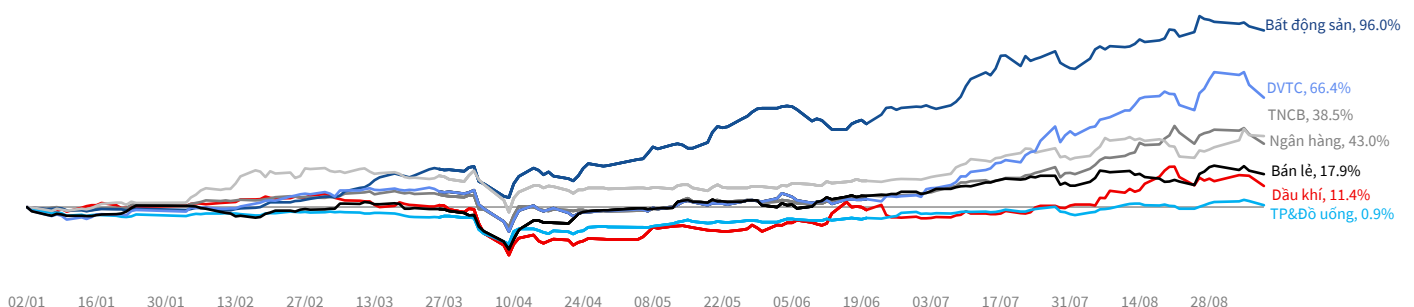
### ...trong khi các nhóm Tài chính kéo giảm thị trường

Các ngành có vận động tiêu cực [điểm]



### Hầu như tất cả các nhóm ngành đều giảm điểm trong phiên hôm nay

Hiệu suất các nhóm ngành từ đầu năm [%]



Vì sao thị trường giảm điểm?

## VN-Index giảm mạnh dưới hỗ trợ MA20 ngày

Biểu đồ VN-Index và các chỉ báo kỹ thuật [điểm]



| Chỉ báo động lượng         | Giá trị | GT so sánh | Hành động | Chỉ báo trung bình động          | Giá trị | GT so sánh | Hành động |
|----------------------------|---------|------------|-----------|----------------------------------|---------|------------|-----------|
| Relative Strength Index    | 26      | 50         | Bán       | Simple Moving Average (20)       | 1,644   | 1,625      | Bán       |
| Stochastic %K              | -1      | 40         | Bán       | Simple Moving Average (50)       | 1,542   | 1,625      | Mua       |
| Momentum (10)              | 47      | 40         | Mua       | Simple Moving Average (100)      | 1,420   | 1,625      | Mua       |
| MACD level (12,36)         | 45      | 0          | Mua       | Simple Moving Average (200)      | 1,337   | 1,625      | Mua       |
| <b>Tín hiệu mua</b>        |         |            | <b>2</b>  | Exponential Moving Average (20)  | 1,637   | 1,625      | Bán       |
| <b>Tín hiệu trung tính</b> |         |            | <b>0</b>  | Exponential Moving Average (50)  | 1,556   | 1,625      | Mua       |
| <b>Tín hiệu bán</b>        |         |            | <b>2</b>  | Exponential Moving Average (100) | 1,462   | 1,625      | Mua       |
|                            |         |            |           | Exponential Moving Average (200) | 1,301   | 1,625      | Mua       |
|                            |         |            |           | Bollinger Band (20)              | 1,339   | 1,625      | Mua       |
|                            |         |            |           | <b>Tín hiệu mua</b>              |         |            | <b>6</b>  |
|                            |         |            |           | <b>Tín hiệu trung tính</b>       |         |            | <b>0</b>  |
|                            |         |            |           | <b>Tín hiệu bán</b>              |         |            | <b>2</b>  |

VN-Index tiếp tục giảm mạnh trong phiên và đóng cửa ở dưới mốc MA20 ngày do lực bán chốt lời từ NĐT. Mặc dù vậy, chúng tôi nhận thấy diễn biến giảm mạnh chủ yếu diễn ra vào cuối phiên chiều và NĐT tập trung bán ròng các cổ phiếu có tính đầu cơ cao. Hiện tại, chúng tôi nhận thấy chưa có yếu tố tiêu cực nào đủ mạnh để có thể kéo VN-Index tiếp tục giảm điểm. Do đó, chúng tôi cho rằng thị trường có thể tạo đáy quanh vùng 1,600 - 1,625 để hấp thu lực bán trước khi hồi phục. Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị NĐT duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức hiện tại và có thể canh giảm tỷ trọng trong các phiên thị trường hồi phục.

### Thông tin vĩ mô:

**Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Việt Nam T8 2025 tăng 3.24% YoY và 0.05% MoM.** Chỉ số CPI tăng nhẹ chủ yếu thúc đẩy bởi giá lương thực và thực phẩm đi ngang do giá gạo duy trì ổn định và giá thịt heo giảm 12.7% YoY trong T8. Ngoài ra, việc điều chỉnh giá xăng dầu trong nước cũng ảnh hưởng tích cực đến nhóm giao thông và kiềm chế đà tăng của CPI. Chúng tôi cho rằng việc CPI T8 tăng chậm hơn bình quân 8T đầu năm (ở mức 3.25%) cho thấy chỉ số giá tiêu dùng, lạm phát đang được kiểm soát tốt và khả năng đạt mục tiêu kiểm soát CPI tăng dưới 4.5% YoY là hoàn toàn có thể.

### Thông tin ngành/doanh nghiệp:

**Ngành điện:** Ngày 20/8, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 70 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Trong đó, nghị quyết nhấn mạnh việc chuyển đổi từ tư duy độc quyền sang cơ chế thị trường, cho phép người tiêu dùng tự lựa chọn nhà cung cấp điện. Chúng tôi cho rằng đây là bước tiến tích cực của ngành điện nhằm thúc đẩy cơ chế DPPA và giảm sức mạnh độc quyền của EVN, từ đó tạo cơ hội cho các nhà đầu tư tư nhân như REE, GEX, HDG và nhà đầu tư nước ngoài thông qua hình thức PPP.

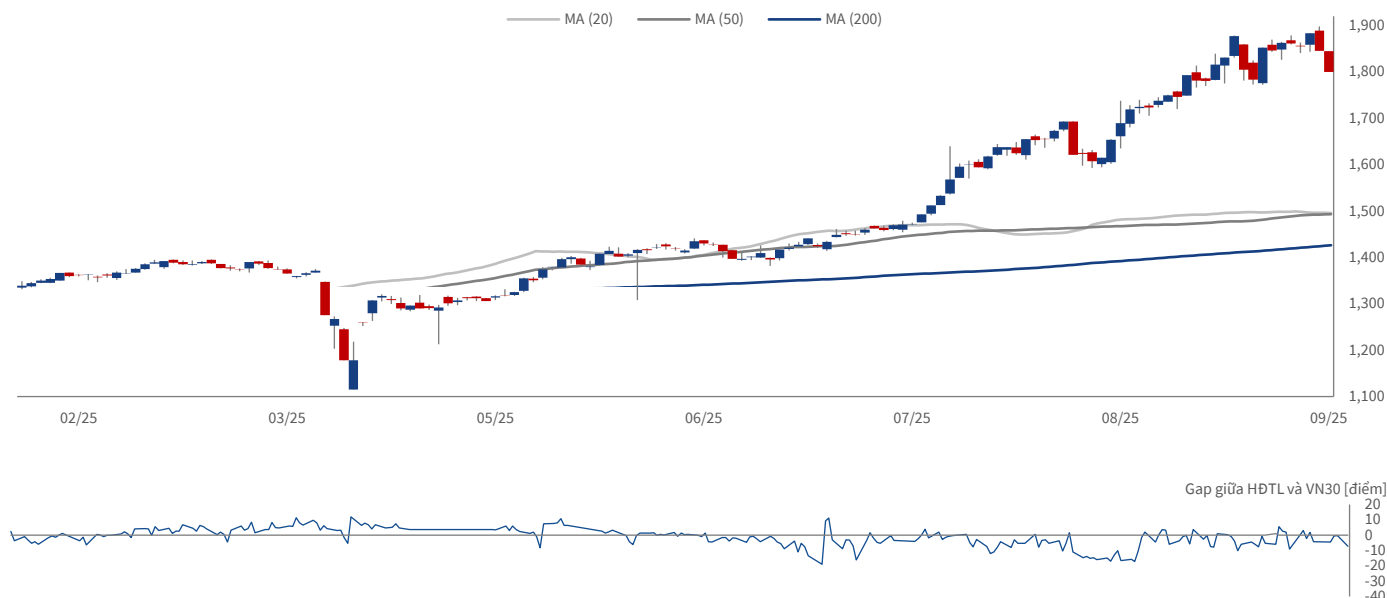
|      |                                                                    |
|------|--------------------------------------------------------------------|
| 3/9  | Việt Nam - Công bố PMI sản xuất T8                                 |
| 6/9  | Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế T8                              |
| 9/9  | Trung Quốc - Chỉ số giá tiêu dùng CPI                              |
| 11/9 | Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng CPI<br>ECB - Công bố chính sách lãi suất |
| 16/9 | Mỹ - Doanh số bán lẻ T8<br>Mỹ - Cuộc họp FOMC                      |
| 17/9 | EU - Chỉ số giá tiêu dùng CPI                                      |
| 18/9 | Việt Nam - Đáo hạn HĐTL T9 (VN30F2509)                             |
| 21/9 | Trung Quốc - Công bố lãi suất cho vay cơ bản                       |

# Diễn biến thị trường tương lai chỉ số VN30

## Thị trường tương lai

### Tất cả các HĐTL đều giảm điểm trong phiên

Diễn biến hợp đồng tương lai VN30F1M [điểm]



## Bảng giá Hợp đồng tương lai chỉ số VN30

| Mã hợp đồng | Ngày đáo hạn | Basis | Khớp lệnh |       |         | NĐTNN (HĐ) |        | Tổng KL |
|-------------|--------------|-------|-----------|-------|---------|------------|--------|---------|
|             |              |       | Giá       | +/-   | +/- (%) | NN mua     | NN bán |         |
| 41I1FA000   | 16/10/2025   | -9.2  | 1,798     | -51.9 | -2.8%   | 616        | 6      | 2,508   |
| VN30F2509   | 18/09/2025   | -7.2  | 1,800     | -45.1 | -2.4%   | 7,166      | 15,545 | 333,973 |
| VN30F2512   | 18/12/2025   | -22.2 | 1,785     | -45.0 | -2.5%   | 12         | 10     | 247     |
| 41I1G3000   | 19/03/2026   | -27.2 | 1,780     | -45.2 | -2.5%   | 2          | 2      | 160     |

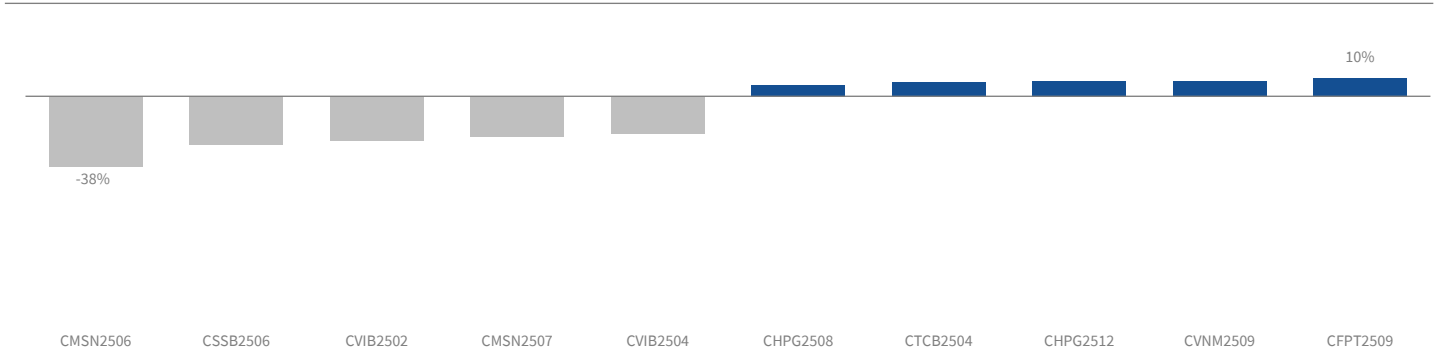
## Diễn biến thị trường tương lai

Tất cả các hợp đồng tương lai đều giảm điểm trong phiên trong bối cảnh thị trường cơ sở giảm mạnh, trong đó hợp đồng VN30F2509 giảm 45 điểm, kết phiên ở mức 1,800 điểm. Mức basis âm ghi nhận ở tất cả các hợp đồng.

# Diễn biến thị trường chứng quyền

Mã chứng quyền CMSN2508 giảm mạnh nhất, -38% trong phiên hôm nay

Diễn biến thị trường chứng quyền [%]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

## Hầu hết các mã chứng quyền đều giảm trong phiên

- Hầu hết các mã chứng quyền đều giảm điểm trong phiên trong bối cảnh thị trường cơ sở giảm điểm. Xét trên toàn thị trường, mã CMSN2506 giảm mạnh nhất (-38%). Ở chiều ngược lại, mã CFPT2509 tăng mạnh nhất với biên độ 10%
- Danh sách chứng quyền chúng tôi theo dõi hầu hết giảm điểm trong phiên hôm nay ngoại trừ mã CHPG2406 tăng 0.6%

## Danh sách CW quan sát

| Mã CW    | TCPH | Ngày GDCC  | Khớp lệnh    |        | Giá thực hiện | Tỷ lệ chuyển đổi | Khối lượng |
|----------|------|------------|--------------|--------|---------------|------------------|------------|
|          |      |            | Giá đóng cửa | %      |               |                  |            |
| CTCB2509 | SSI  | 11/12/2025 | 3,010.0      | -17.3% | 34,000        | 2.0:1            | 281,800    |
| CMWG2511 | ACBS | 18/05/2026 | 2,780.0      | -6.1%  | 26,814        | 5.9:1            | 594,700    |
| CHPG2406 | SSI  | 24/10/2025 | 1,810.0      | 0.6%   | 30,500        | 3.3:1            | 452,400    |
| CVHM2513 | SSI  | 10/10/2025 | 5,350.0      | -7.1%  | 86,348        | 5.0:1            | 346,200    |
| CVIB2502 | SSI  | 23/10/2025 | 2,190.0      | -24.0% | 124,773       | 1.7:1            | 346,200    |

Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Giá đóng cửa, Giá thực hiện có đơn vị là VND/đơn vị

Ngày GDCC: Ngày giao dịch cuối cùng

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị

| Mã  | Ngành ICB cấp 2      | Thông tin thị trường |         |      |     |      |       | Định giá |         |      |                 |
|-----|----------------------|----------------------|---------|------|-----|------|-------|----------|---------|------|-----------------|
|     |                      | Giá đóng cửa         | Vốn hoá | Beta | %   | %    | P/E   | P/B      | Giá     | +/-  | Ngày ra báo cáo |
| KDH | Bất động sản         | 34,800               | 39,053  | 1.6  | -2% | 8%   | 48.6  | 2.2      | 42,300  | 22%  | 18/07           |
| TRC | Hóa chất             | 71,700               | 2,088   | 1.2  | -2% | 41%  | 7.0   | 1.1      | 91,600  | 28%  | 18/07           |
| HVN | Du lịch và Giải trí  | 30,800               | 95,923  | 0.3  | 0%  | 37%  | 8.4   | -25.5    | 39,000  | 27%  | 18/07           |
| NLG | Bất động sản         | 41,500               | 15,981  | 1.2  | -5% | 21%  | 24.3  | 1.7      | 53,300  | 28%  | 05/08           |
| HDC | Bất động sản         | 33,600               | 5,993   | 1.1  | -7% | 44%  | 69.8  | 2.6      | 32,900  | -2%  | 18/07           |
| MWG | Bán lẻ               | 74,000               | 109,406 | 1.2  | -1% | 25%  | 22.4  | 3.7      | 84,300  | 14%  | 18/07           |
| VCG | Xây dựng và Vật liệu | 25,200               | 16,291  | 0.2  | -3% | 60%  | 21.1  | 2.0      | 28,500  | 13%  | 18/07           |
| FRT | Bán lẻ               | 130,000              | 22,139  | 0.9  | -1% | -11% | 41.1  | 7.7      | 183,900 | 39%  | 13/08           |
| SIP | Bất động sản         | 59,500               | 14,406  | 1.5  | -3% | -15% | 11.4  | 3.1      | 74,900  | 26%  | 18/07           |
| PHR | Hóa chất             | 55,600               | 7,534   | 1.3  | -2% | 9%   | 14.8  | 2.0      | 74,000  | 33%  | 18/07           |
| PLC | Hóa chất             | 26,800               | 2,165   | 1.1  | -2% | 25%  | 23.1  | 1.7      | 30,000  | 12%  | 18/07           |
| HPG | Tài nguyên Cơ bản    | 28,900               | 221,821 | 0.8  | 0%  | 30%  | 16.5  | 1.8      | 31,100  | 8%   | 18/07           |
| VPB | Ngân hàng            | 31,200               | 247,538 | 1.7  | -7% | 79%  | 14.2  | 1.7      | 24,000  | -23% | 18/07           |
| PDR | Bất động sản         | 23,400               | 22,928  | 1.4  | -7% | 31%  | 132.5 | 1.9      | 22,200  | -5%  | 18/07           |
| HCM | Dịch vụ tài chính    | 27,500               | 29,699  | 1.3  | -4% | 26%  | 24.8  | 2.9      | 29,100  | 6%   | 18/07           |
| FPT | Công nghệ Thông tin  | 101,900              | 173,587 | 1.0  | -1% | -21% | 20.0  | 5.2      | 125,600 | 23%  | 18/07           |
| MBB | Ngân hàng            | 26,700               | 215,068 | 1.1  | -3% | 67%  | 8.8   | 1.8      | 29,800  | 12%  | 18/07           |
| DXG | Bất động sản         | 22,550               | 22,976  | 1.1  | 1%  | 74%  | 64.5  | 1.9      | 26,600  | 18%  | 20/08           |
| CTG | Ngân hàng            | 49,500               | 265,815 | 0.9  | -2% | 33%  | 8.8   | 1.6      | 48,900  | -1%  | 18/07           |
| VHM | Bất động sản         | 100,000              | 410,741 | 0.9  | 0%  | 150% | 14.3  | 1.9      | 92,000  | -8%  | 18/07           |
| TCB | Ngân hàng            | 38,000               | 269,277 | 1.1  | -4% | 60%  | 12.6  | 1.7      | 36,600  | -4%  | 18/07           |

Danh sách báo cáo gần đây

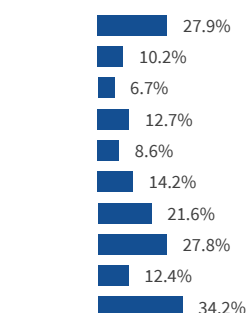
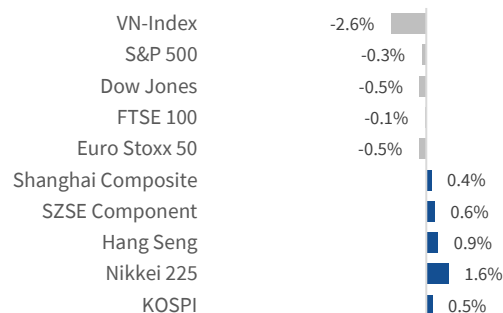
| Loại báo cáo                          | Tiêu đề                                                  | Công ty/Ngành   | Ngày phát hành |
|---------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Báo cáo cập nhật                      | Báo cáo cập nhật cổ phiếu                                | DXG             | 20/08/2025     |
| Báo cáo cập nhật                      | Báo cáo cập nhật cổ phiếu                                | FRT             | 13/08/2025     |
| Báo cáo thị trường                    | Báo cáo thị trường T7 2025                               | Thị trường      | 11/08/2025     |
| Báo cáo vĩ mô                         | Báo cáo vĩ mô T7 2025                                    | Vĩ mô           | 11/08/2025     |
| Báo cáo cập nhật                      | Cập nhật KQKD 6T 2025                                    | NLG             | 05/08/2025     |
| Báo cáo cập nhật                      | Cập nhật KQKD 6T 2025                                    | CTG             | 01/08/2025     |
| Báo cáo Chiến lược thị trường H2 2025 | Báo cáo chiến lược                                       | Thị trường      | 18/07/2025     |
| Báo cáo Chiến lược đầu tư H2 2025     | Báo cáo chiến lược                                       | Toàn thị trường | 18/07/2025     |
| Báo cáo Chiến lược vĩ mô H2 2025      | Báo cáo chiến lược                                       | Vĩ mô           | 18/07/2025     |
| Báo cáo vĩ mô                         | Báo cáo vĩ mô T6 2025                                    | Vĩ mô           | 14/07/2025     |
| Báo cáo ngành                         | Báo cáo ngành Bất động sản                               | Ngành           | 14/07/2025     |
| Báo cáo cập nhật                      | Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng: Luật hóa Nghị quyết 42 | Ngành           | 27/06/2025     |
| Báo cáo thị trường                    | Báo cáo thị trường T5 2025                               | Thị trường      | 13/06/2025     |
| Báo cáo vĩ mô                         | Báo cáo vĩ mô T5 2025                                    | Vĩ mô           | 13/06/2025     |

# Tổng quan hiệu suất thị trường

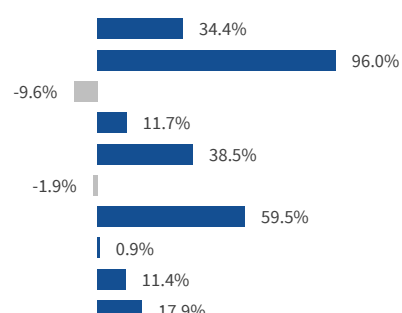
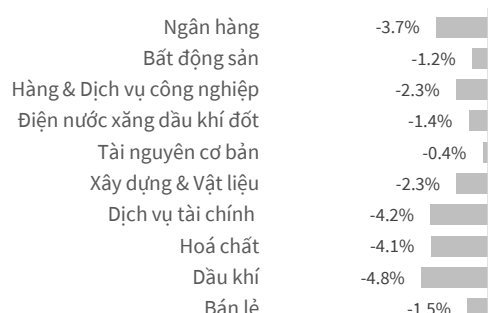
## Chỉ số chứng khoán

1 ngày

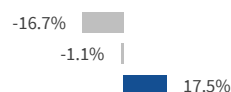
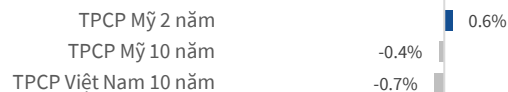
Luỹ kế năm 2025



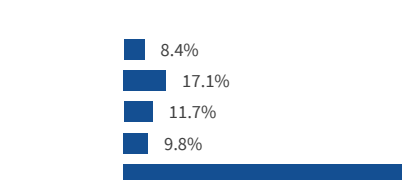
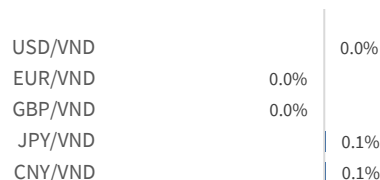
## Hiệu suất ngành



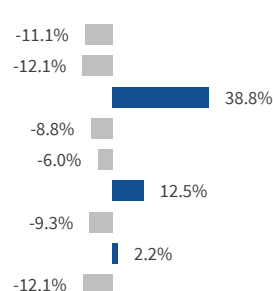
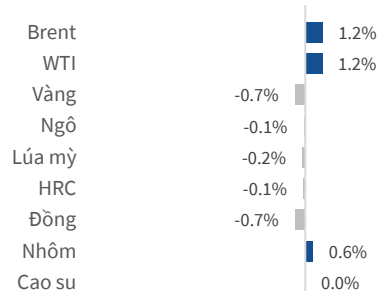
## Lợi suất trái phiếu



## Tỷ giá



## Hàng hoá



Ghi chú: Các ngành được tính hiệu suất bao gồm cổ phiếu trên cả 3 sàn HSX, HNX và UPCoM

Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 tính toán dựa trên giá đóng cửa phiên giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, TVS Research

## Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

## Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

| Xếp hạng khuyến nghị | Định nghĩa                                                             |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------|
| MUA                  | Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%                  |
| NẮM GIỮ              | Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20% |
| BÁN                  | Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%                 |

## Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt – www.tvs.vn

### Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec  
4A Láng Hạ, phường Giảng Võ, Hà Nội  
Phone: +84 (24) 7300 6588  
Fax: +84 (24) 3248 4821

### Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long  
63 Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, Hồ Chí Minh  
Phone: +84 (28) 7300 6588  
Fax: +84 (28) 299 2088

## Thông tin liên hệ

### BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

#### Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp  
hanhntk@tvs.vn

#### Phạm Nguyên Long

Chuyên viên cao cấp  
longpn@tvs.vn

#### Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên  
anhnd@tvs.vn

#### Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên  
quangtpt@tvs.vn

#### Nguyễn Văn Quang

Chuyên viên  
quangnv@tvs.vn